TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/KDTM-ST
Ngày: 26/9/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tâm;

2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 30/2025/TLST-KDTM ngày 18/7/2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH H; mã số doanh nghiệp: 3700705441; trụ sở: phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo pháp luật: Ông O - chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ liên hệ: khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 26/6/2025); có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH gỗ Y; địa chỉ trụ sở: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo pháp luật: Ông X; chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Trong năm 2023, Công ty TNHH H (sau đây viết tắt là Công ty H) và Công ty TNHH gỗ Y (sau đây viết tắt là Công ty Y) có thỏa thuận về việc mua bán hàng hóa là Ván MDF nhưng không có lập hợp đồng mua bán hàng hóa bằng văn bản. Việc mua bán hàng hóa bằng lời nói và đơn đặt hàng của Công ty Y. Theo đơn đặt hàng của Công ty Y thì Công ty H đã bán hàng, giao hàng và xuất hóa đơn GTGT số 00000972 ngày 31/8/2023 với số tiền 764.364.775 đồng và hóa đơn GTGT số 00001097 ngày 29/9/2023 với số tiền 230.226.581 đồng. Tổng số tiền hàng theo 02 hóa đơn nêu trên là 994.591.356 đồng. Tuy nhiên, Công ty Y mới chỉ thanh toán cho Công ty H số tiền 199.934.000 đồng. Công ty H đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu Công ty Y thanh toán tiền hàng còn nợ nhưng Công ty Y không thực hiện.

Nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc Công ty TNHH gỗ Y phải thanh toán cho Công ty TNHHH H tiền nợ gốc là 794.657.356 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử là 22 tháng với mức lãi suất là 1%/tháng: 794.657.356 đồng x 22 tháng x 1%/tháng = 174.824.618 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty Y theo đúng quy định của pháp luật nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty YONG S không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về số tiền nợ gốc 794.657.356 đồng và xác định lại yêu cầu tiền lãi là 794.657.356 đồng x 22 tháng x 0,84%/tháng = 146.852.679 đồng.

Bị đơn: Vắng mặt không có lý do nên không trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn tuy không lập hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng trên thực tế việc mua bán hàng hóa căn cứ vào từng đơn đặt hàng cụ thể của Công ty TNHH Y (bên mua). Theo đó, trong các tháng 7, 8, 9 năm 2023, Công ty TNHH H đã cung cấp ván MDF cho Công ty TNHH Y theo từng đơn hàng với tổng số tiền 920.917.922 đồng (chưa bao gồm 8% VAT). Việc giao nhận hàng hóa đều có các Phiếu xuất hàng và được nhân viên (người lao động) của Công ty TNHH Y ký nhận tại mục *"Khách hàng ký nhận"*.

Mặc dù giữa 02 Công ty không có lập thành văn bản hợp đồng mua bán nhưng trên thực tế đã có việc mua bán hàng hóa với nhau dựa trên các đơn đặt hàng và giao nhận hàng hóa, điều này thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội. Ngoài ra, việc mua bán hàng hóa với nhau dựa trên hóa đơn giá trị gia tăng số 00000972 ngày 31/8/2023 với số tiền 764.364.775 đồng và số 00001097 ngày 29/9/2023 với số tiền 230.226.581 đồng (đã bao gồm 8% VAT). Như vậy, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 199.934.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ 794.657.356 đồng là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,84%/tháng là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể: 794.657.356 đồng x 22 tháng x 0,84%/tháng = 146.852.679 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Y thanh toán số tiền còn nợ liên quan đến mua bán hàng hóa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty TNHH Y có trụ sở hoạt động tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Y không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

1.3. Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn Công ty TNHH Y đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

2. Đối với yêu cầu giải quyết về số tiền nợ:

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn không lập hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng trên thực tế việc mua bán hàng hóa căn cứ vào từng đơn đặt hàng cụ thể của Công ty TNHH Y (bên mua). Theo đó, trong các tháng 7, 8, 9 năm 2023, Công ty TNHH H đã cung cấp ván MDF cho Công ty TNHH Y theo từng đơn hàng với tổng số tiền 920.917.922 đồng (chưa bao gồm 8% VAT). Việc giao nhận hàng hóa đều có các Phiếu xuất hàng (cụ thể: các ngày 26/7/2023, 08/8/2023, 09/8/2023, 10/8/2023, 18/8/2023, 21/8/2023, 23/8/2023, 24/8/2023, 08/9/2023, 16/9/2023 và đều được nhân viên (người lao động) của Công ty TNHH Y ký nhận tại mục *"Khách hàng ký nhận"*.

Mặc dù giữa 02 Công ty không có lập thành văn bản hợp đồng mua bán nhưng trên thực tế đã có việc mua bán hàng hóa với nhau dựa trên các đơn đặt hàng và giao nhận hàng hóa, điều này thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội. Ngoài ra, việc mua bán hàng hóa với nhau dựa trên hóa đơn giá trị gia tăng số 00000972 ngày 31/8/2023 với số tiền 764.364.775 đồng và số 00001097 ngày 29/9/2023 với số tiền 230.226.581 đồng (đã bao gồm 8% VAT). Như vậy, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 199.934.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ 794.657.356 đồng là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

3. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi là 794.657.356 đồng x 22 tháng x 0,84%/tháng = 146.852.679 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Khoản 1 Điều 55 của Luật Thương mại quy định về thời hạn thanh toán như sau:

"Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau:

1. Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa ...".

Điều 306 của Luật Thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các khoản chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Theo kết quả xác minh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Tân Uyên Bình Dương, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín CN Bình Dương – PGD Tân Uyên và Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Bình Dương, PGD Tân Uyên thì mức lãi suất cho vay trung hạn và dài hạn là từ 9,8%/năm - 10,45%/năm, tương đương 0,84%/tháng – 0,87%/tháng.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,84%/tháng là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể: 794.657.356 đồng x 22 tháng x 0,84%/tháng = 146.852.679 đồng.

4. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 24, 50, 55, 300, 301, 302, 306 và 319 của Luật thương mại;

- Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H đối với bị đơn Công ty TNHH gỗ Y về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa";

Buộc Công ty TNHH gỗ Y có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH H tổng số tiền là 941.510.035 đồng *(Chín trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm mười nghìn không trăm ba mươi lăm đồng)*; trong đó tiền nợ gốc là 794.657.356 đồng và tiền lãi là 146.852.679 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH H không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm; trả cho Công ty TNHH H số tiền 20.542.000 đồng *(Hai mươi triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000437 ngày 10/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Công ty TNHH gỗ Y phải chịu số tiền 40.245.301 đồng *(Bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm lẻ một đồng)* án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thành Hiệp